

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 / HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Mai.

2. Ông Nguyễn Hải Phùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKS quận Đống Đa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – KSV.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 391/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị N.T.M, sinh năm 1986:** Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 12 ngách 92 ngõ VC, phường VC, quận ĐĐ, TP HN.

- **Bị đơn:** **Anh V.N.D, sinh năm 1978;** Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 12 ngách 92 ngõ VC, phường VC, quận ĐĐ, TP HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 /5 /2019, bản tự khai và các văn bản tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị N.T.M trình bày:

1. Về tình cảm: Chị và anh V.N.D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2012 tại UBND xã NH, huyện TT, TP HN. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh phúc nên sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên chị M có nguyện vọng được ly hôn với anh V.N.D.

2. Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung là V.N.Đ.M, sinh ngày 26/7/2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh chị tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về nợ: Quá trình chung sống, anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. Về án phí: Chị M tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí LHST.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như : Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp, Thông báo phổ biến quyền tự khai, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh V.N.D. Tuy nhiên, anh D không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu ly hôn của chị N.T.M.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được Tòa án cho ly hôn với anh D.

Anh D trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng, anh xác nhận chưa thật quan tâm, chăm sóc chu đáo đến vợ và con, thời gian dành cho gia đình không nhiều vì đặc thù công việc của anh quá bận. Khi biết việc chị M có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh chị, anh đã nói để chị M cảm thông cho công việc của anh. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị M vẫn kiên quyết ly hôn với anh, anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh chị có một con chung như chị M trình bày và hiện được chị M chăm sóc từ nhỏ đến giờ. Ly hôn, anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì anh bận công việc nên không có nhiều thời gian và chị M không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh nhất trí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy

định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh D; Về con chung: Chị M và anh D có một con chung là V.N.Đ.M, ghi nhận sự thỏa thuận của chị M và anh D, giao chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Tòa không xem xét. Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về tố tụng: Anh V.N.D là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số 12 ngách 92 ngõ VC, phường VC, quận ĐĐ, TP HN. Căn cứ Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

[2] Về nội dung: Chị N.T.M và anh V.N.D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện TT, TP HN ngày 12/12/2012. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh phúc nên sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Nay, chị M xác định tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh D. Anh D xác định vẫn còn tình cảm với chị M, nhưng nếu chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Xét thấy, tình cảm phải xuất phát từ hai phía, chị M xác định không còn tình cảm với anh D và thực tế anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo phiên họp tiếp cận công khai và hòa giải nhưng anh D không tham gia tố tụng, không có văn bản gì gửi đến Tòa về quan điểm của anh đối với yêu cầu ly hôn của chị M. Điều đó thể hiện anh D không có thiện chí hòa giải, không mong muốn cải thiện tình cảm vợ chồng, không tha thiết đoàn tụ với chị M. Mặt khác, qua trao đổi với đại diện đại diện tổ dân phố nơi chị M và anh D cư trú cho biết: Chị M có chia sẻ vợ chồng chung sống không hạnh

phúc, anh D cũng thường xuyên vắng nhà. Tuy nhiên, anh chị cũng không nhờ tổ dân phố hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án ly hôn của anh chị. Như vậy, chị M và anh D không có khả năng đoàn tụ, cuộc sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M có nguyện vọng ly hôn anh D là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

* Về con chung: chị M và anh D có 01 con chung là V.N.Đ.M, sinh ngày 26/7/2013.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cha và mẹ. Thực tế, cháu M do chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay và cháu phát triển tốt. Tại phiên tòa hôm nay, anh D cũng thừa nhận chị M nuôi con tốt hơn anh vì anh luôn phải đi công tác vắng nhà nên ít có thời gian hơn chị M. Do vậy, để đảm bảo các quyền lợi tốt nhất cho cháu M, Hội đồng xét xử thấy giao cháu M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

*Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

* Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị N.T.M. Chị N.T.M được ly hôn anh V.N.D.

2. **Về con chung:** Xác nhận chị N.T.M và anh V.N.D có 01 con chung là V.N.Đ.M, sinh ngày 26/7/2013. Giao cháu M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh V.N.D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung** (động sản+ bất động sản) và nợ chung: Chị N.T.M và anh V.N.D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. **Án phí:** Chị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 08692 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị N.T.M và anh V.N.D có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa
- Đ-ơng sự;
- L-ư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng